

Số: **49** /2022/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **03** tháng **10** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2022 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2016 ban hành Quy định phối hợp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu và phối hợp quản lý nhà nước trong quá trình kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GTXD.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số **49** /2022/QĐ-UBND
ngày **03** tháng **10** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp cụ thể về quản lý chất lượng công trình xây dựng và phân cấp trong việc thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Áp dụng đối với các công trình được đầu tư xây dựng bằng mọi nguồn vốn, thuộc thẩm quyền quản lý chất lượng của UBND tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện.

1. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động, đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức thuộc các Sở, Ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các chủ thể có liên quan đến hoạt động quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Phân cấp rõ trách nhiệm của các Sở, Ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các chủ thể tham gia dự án đầu tư xây dựng để quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng và hiệu quả đầu tư công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương II QUẢN LÝ TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 4. Quản lý thi công xây dựng công trình

1. Trình tự quản lý thi công xây dựng công trình của các chủ thể được quy định:

a) Tiếp nhận mặt bằng thi công xây dựng; thực hiện quản lý công trường xây dựng.

- b) Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình.
- c) Quản lý thi công xây dựng công trình của nhà thầu.
- d) Giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư, kiểm tra và nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- đ) Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong quá trình thi công.
- e) Thí nghiệm đối chứng, thí nghiệm thử tải và kiểm định xây dựng.
- f) Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng (nếu có).
- g) Nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng.
- h) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- i) Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình.
- j) Hoàn trả mặt bằng.
- k) Bàn giao công trình xây dựng.

2. Quản lý vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình:

a) Tất cả các vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng vào công trình phải có nguồn gốc, xuất xứ, có đủ chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan và phải được thí nghiệm, thử nghiệm, chạy thử,... trước khi nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng; nhà thầu cung ứng, nhà thầu sản xuất tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng công trình để quản lý sản phẩm xây dựng, quản lý công trình trong quá trình thi công.

b) Nhà thầu cung ứng, Nhà thầu chế tạo, sản xuất chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm cấu kiện, thiết bị do mình cung ứng, chế tạo, sản xuất; việc nghiệm thu của bên giao thầu không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu.

3. Thay đổi chủng loại, nguồn gốc xuất xứ vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng:

a) Các vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được thay thế phải đáp ứng được yêu cầu thiết kế, phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt theo quy định của hợp đồng.

b) Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công, nếu việc thay đổi dẫn đến điều chỉnh dự án thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

4. Quản lý đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

a) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng trước khi lắp đặt để sử dụng trong công trình phải

được kiểm định kỹ thuật an toàn bởi các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải sử dụng phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu kiểm định để cập nhật cơ sở dữ liệu đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng đã được kiểm định.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý chất lượng của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư trong phạm vi các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trách nhiệm của Chủ đầu tư quy định tại Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Chủ đầu tư được quyền tự thực hiện các hoạt động xây dựng nếu đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

a) Ban quản lý dự án phải có đầy đủ năng lực theo quy định, thực hiện chức năng được ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý thực hiện một hoặc một số công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định và phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ đầu tư phải chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về các công việc đã ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án thực hiện.

b) Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về việc thực hiện các công việc được ủy quyền hoặc được giao.

3. Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình.

a) Chủ đầu tư được quyền thuê tư vấn có đủ năng lực thực hiện một hoặc một số công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý xây dựng công trình thông qua hợp đồng xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát tư vấn thực hiện theo hợp đồng, xử lý các vấn đề có liên quan giữa các nhà thầu tham gia xây dựng công trình và với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện dự án.

b) Nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về những công việc được giao theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan.

4. Đối với chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở:

a) Đối với các hạng mục công trình mà bên nhận chuyển giao đã được xác định trong nội dung dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi văn bản mời bên nhận chuyển giao tham gia công tác quản lý chất lượng trong quá trình thi công xây dựng ngay từ khi khởi công xây dựng công trình.

b) Dự án sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gồm các công trình dịch vụ, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được phê duyệt; đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu gồm cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải, trước khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền kiểm tra đánh giá công tác quản lý chất lượng, đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu.

5. Đối với các công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Văn bản thông báo kết quả nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng là căn cứ để chủ đầu tư lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình.

Điều 6. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện theo quy định Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021. Trong đó trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung sau:

a) Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.

b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; biện pháp thi công.

c) Tiến độ thi công xây dựng công trình.

d) Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

đ) Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn.

e) Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng xây dựng.

Điều 7. Giám sát thi công xây dựng công trình

1. Nội dung giám sát thi công xây dựng được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tổ chức tư vấn giám sát phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, thực hiện giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát phù hợp quy mô, yêu cầu công việc thực hiện giám sát. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và cấp công trình.

3. Chủ đầu tư được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện giám sát một, một số hoặc toàn bộ công trình.

4. Đối với công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình phải độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng và các nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình.

b) Tổ chức giám sát thi công xây dựng không được tham gia kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát.

c) Nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình không được tham gia kiểm định chất lượng sản phẩm có liên quan đến vật tư, thiết bị do mình cung cấp.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình phải lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung quy định tại phụ lục IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo.

6. Tổ chức thí nghiệm đối chứng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

7. Tổ chức kiểm định chất lượng sản phẩm xây dựng khi cần thiết; thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, trường hợp không đồng ý nghiệm thu phải thông báo lý do bằng văn bản cho nhà thầu thi công xây dựng.

Điều 8. Yêu cầu về bảo hành công trình xây dựng

1. Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc bảo hành đối với phần công việc do mình thực hiện. Thời gian bảo hành tính từ khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng, thời gian bảo hành quy định tại Khoản 5 Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

2. Mức tiền bảo hành quy định tại Khoản 7 Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành hoặc giải tỏa thư bảo lãnh bảo hành sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 9. Bảo trì công trình xây dựng

1. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm lập quy trình bảo trì phần công việc do mình thực hiện, nếu các nhà thầu không lập được chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn khác có đủ điều kiện, năng lực thực hiện kinh phí lập do các nhà thầu chi trả. Chủ đầu tư phê duyệt

quy trình bảo trì theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 126 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a khoản 47 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

2. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm do chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Khoản 6 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Chương III **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ** **CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 10. Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Sở Công Thương quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý.

5. Ban quản lý các khu công nghiệp quản lý các công trình được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp do mình quản lý.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý theo phân cấp.

Điều 11. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất của cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng

1. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ:

a) Sở Xây dựng lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng theo phân cấp trên địa bàn.

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp trên địa bàn.

c) Ban quản lý các khu công nghiệp lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình công nghiệp trong các khu công nghiệp do mình quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý theo phân cấp.

đ) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch kiểm tra định kỳ về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và phối hợp kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra định kỳ:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình.

b) Kiểm tra chất lượng các bộ phận công trình bằng trực quan và qua các số liệu thí nghiệm, đo đạc quan trắc hoặc kiểm định (nếu có).

c) Kiểm tra các nội dung khác theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

3. Kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra đột xuất một công trình cụ thể khi có yêu cầu của các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi nhận được thông tin phản ánh của công dân hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra một nhóm đối tượng công trình theo các nội dung cụ thể khi phát hiện thấy những dấu hiệu không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm về quản lý chất lượng của nhóm đối tượng công trình này.

Điều 12. Phân cấp, thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan nhà nước quản lý có thẩm quyền kiểm tra trong quá trình thi công và kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng. Các công trình thuộc đối tượng kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng ngoài khu công nghiệp và trong cụm công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; dự án đầu tư xây dựng công trình

đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị); dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác; công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý, công trình quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, công trình quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này.

d) Sở Công thương kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp quản lý, công trình quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này.

đ) Ban Quản lý khu công nghiệp kiểm tra các công trình được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp do mình quản lý; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư. Trừ các công trình do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thẩm định.

3. Nội dung và trình tự kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

4. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có) và yêu cầu thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời các tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu. Chi

phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chi phí kiểm tra lập không vượt quá 20% chi phí giám sát thi công xây dựng công trình.

6. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng: Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các công việc sau:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.
- Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.
- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý.
- Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và kiểm tra đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp quản lý.
- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn.
- Đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên cả nước và đăng trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý theo quy định.
- Chỉ đạo Chi Cục giám định Xây dựng tăng cường kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong quá trình thi công tại các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh đặc biệt đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khu

đô thị, khu nhà ở, khu đầu giá, nhà ở dịch vụ thương mại, các công trình, dự án sử dụng vốn khác có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý.

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, giải quyết sự cố cấp II, cấp III đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép trên địa bàn.

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng các công trình theo phân cấp.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

- Báo cáo sự cố theo quy định tại Điều 44 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và phối hợp với các Sở chuyên ngành giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn quản lý.

- Tham gia thành phần nghiệm thu và phối hợp với chủ đầu tư kiểm tra, giám sát chất lượng công trình trong quá trình thi công đối với các công trình có chuyển giao cho địa phương quản lý, khai thác và sử dụng.

- Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

4. Ban Quản lý Khu công nghiệp:

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được phân cấp quản lý trong địa bàn, khu vực.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trong địa bàn, khu vực quản lý khi được yêu cầu.

- Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng được phân cấp quản lý.

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo phân cấp.

Điều 14. Báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Chủ đầu tư xây dựng công trình báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng về Sở Xây dựng để theo dõi và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu.

2. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định số 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/TT-BXD ngày 25/8/2021

của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét, giải quyết./.